

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 28-9-2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Võ Văn Tám

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị Tuyết V**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 496, ấp ĐK, xã QT, huyện AP, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Trí P**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 585, ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị V có đơn xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Lương Thị Tuyết V trình bày: Sau khi tìm hiểu và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, tổ chức lễ cưới cho anh chị vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 160, ngày 15/12/2016, theo giấy trích lục kết hôn số 693/TLKH –BS ngày 29/5/2017. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lý do anh P

không lo chí thú làm ăn, bỏ bê vợ con, thường xuyên uống rượu, chị nhiều lần góp ý, khuyên can nhưng anh P không sửa đổi, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, to tiếng với nhau, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh P không thể hàn gắn. Từ đầu tháng 2/2017, chị về nhà cha ruột sinh sống và ly thân từ đó đến nay,

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Tuyết V yêu cầu ly hôn với anh Phạm Trí P.

Về con chung: Phạm Ngọc Đ Đ, sinh ngày 24/10/2017, đang sống với chị V, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu hay có ý kiến nào khác.

Anh Phạm Trí P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Nên Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được để lưu hồ sơ.

Chị V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung như đã trình bày.

Tại phiên tòa, anh Phạm Trí P vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh P, chị V có đăng ký kết hôn. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Phạm Ngọc Đ Đ, sinh ngày 24/10/2017, đang sống với chị V, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lương Thị Tuyết V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Trí P nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình - ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Phạm Trí P với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại: 585, ấp PX, thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vắng mặt không lý do, chị V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét vắng mặt đối với anh P, chị V.

[2] Về hôn nhân: Anh P, chị V có tổ chức lễ cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CV, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 160, ngày 15/12/2016, theo giấy trích lục kết hôn số 693/TLKH –BS ngày 29/5/2017 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ vợ chồng của anh chị được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, chị V nhận thấy không còn tình cảm với anh P, cuộc sống chung không thể hàn gắn được vì ly thân trên 01 năm mà anh chị không liên hệ, không mong muốn hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng, anh P không có ý kiến hay phản đối yêu cầu ly hôn của chị V, mẹ ruột anh P cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh P, chị V, anh chị không sống chung trên 6 tháng. Hội đồng xét xử nhận định: cuộc sống chung của anh P, chị V không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài vì anh chị không có thiện chí hàn gắn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh P là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V đối với anh P.

[3] Về con chung: Phạm Ngọc Đ Đ, sinh ngày 24/10/2017, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V, bởi vì cháu Đ chưa được 01 năm tuổi nên yêu cầu nuôi con là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, chị V phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh P đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, anh P có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị V không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Tuyết V phải chịu án phí hôn nhân gia đình, anh P không phải chịu án phí.

Vì caùc leõ treân;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Lương Thị Tuyết V đối với anh Phạm Trí P.

Về con chung: Chị Lương Thị Tuyết V được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Ngọc Đ Đ, sinh ngày 24/10/2017 đến thành niên hoặc tự lập được, chị V phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh P trong việc đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Anh P lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P. Anh P được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng cho con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị Lương Thị Tuyết V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016881 ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT. Anh Phạm Trí P không phải chịu án phí.

Chị V, anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- UBND TT CV;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo